

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

năm 2020

Mẫu số: CS3-HD

(Ban hành theo thông tư số 10/2017/TT-BT ngày 10/10/2017 của Bộ Tài Chính)

Số BB 46/330

Thời điểm kiểm kê: Ngày 10... Tháng 1 năm 2021

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Nguyễn Huy Bằng Chức vụ: Chủ tịch HD kiểm kê TS
- Ông: Trần Đình Luân Chức vụ: Ủy viên HD kiểm kê TS
- Ông: Hoàng Việt Dũng Chức vụ: Ủy viên HD kiểm kê TS
- Ông: Trần Đình Diệu Chức vụ: Ủy viên HD kiểm kê TS

Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: CNTT - Nhà A0 - 401, kết quả như sau

stt	Tên tài sản	Mã tài sản	Ngày tăng	Vị trí	SLSS	SLTT	Ghi chú
I	Nhà cửa vật kiến trúc						
II	Tài sản máy móc thiết bị						
1	Switch SW Cisco SF200-48 Port 2018 Phòng máy 1,2,3	07512.01.030000.383	05/11/2018.	Phòng 402	1	1	18
2	Switch SW Cisco SF200-48 Port 2018 Phòng máy 1,2,3	07512.01.030000.384	05/11/2018.		1	1	18
3	Switch SW Cisco SF200-48 Port 2018 Phòng máy 1,2,3	07512.01.030000.385	05/11/2018.		1	1	18
4	Máy tính để bàn Dell Vostro 3668 MT - 2018 -A0-401	07512.01.030108.206	29/10/2018.	Phòng 402	1	1	18
5	Máy tính để bàn Dell Vostro 3668 MT - 2018 -A0-401	07512.01.030108.207	29/10/2018.	Phòng 402	1	1	18
6	Máy tính để bàn Dell Vostro 3668 MT - 2018 -A0-401	07512.01.030108.208	29/10/2018.	Phòng 402	1	1	18
7	Máy tính để bàn Dell Vostro 3668 MT - 2018 -A0-401	07512.01.030108.209	29/10/2018.	Phòng 402	1	1	18
8	Máy tính để bàn Dell Vostro 3668 MT - 2018 -A0-401	07512.01.030108.210	29/10/2018.	Phòng 402	1	1	18
9	Máy tính để bàn Dell Vostro 3668 MT - 2018 -A0-401	07512.01.030108.211	29/10/2018.	Phòng 402	1	1	18
10	Máy tính để bàn Dell Vostro 3668 MT - 2018 -A0-401	07512.01.030108.212	29/10/2018.	Phòng 402	1	1	18
11	Máy tính để bàn Dell Vostro 3668 MT - 2018 -A0-401	07512.01.030108.213	29/10/2018.	Phòng 402	1	1	18
12	Máy tính để bàn Dell Vostro 3668 MT - 2018 -A0-401	07512.01.030108.214	29/10/2018.	Phòng 402	1	1	18
13	Máy tính để bàn Dell Vostro 3668 MT - 2018 -A0-401	07512.01.030108.215	29/10/2018.	Phòng 402	1	1	18
14	Máy tính để bàn Dell Vostro 3668 MT - 2018 -A0-401	07512.01.030108.216	29/10/2018.	Phòng 402	1	1	18
15	Máy tính để bàn Dell Vostro 3668 MT - 2018 -A0-401	07512.01.030108.217	29/10/2018.	Phòng 402	1	1	18
16	Máy tính để bàn Dell Vostro 3668 MT - 2018 -A0-401	07512.01.030108.218	29/10/2018.	Phòng 402	1	1	18
17	Máy tính để bàn Dell Vostro 3668 MT - 2018 -A0-401	07512.01.030108.219	29/10/2018.	Phòng 402	1	1	18
18	Máy tính để bàn Dell Vostro 3668 MT - 2018 -A0-401	07512.01.030108.220	29/10/2018.	Phòng 402	1	1	18

STT	Tên tài sản	Mã tài sản	Ngày tăng	Vị trí	SLSS	SLTT	Ghi chú
19	Máy tính để bàn Dell Vostro 3668 MT - 2018 -A0-401	07512.01.030108.221	29/10/2018.	Ab-A02	1	1	18
20	Máy tính để bàn Dell Vostro 3668 MT - 2018 -A0-401	07512.01.030108.222	29/10/2018.	Ab-A01	1	1	
21	Máy tính để bàn Dell Vostro 3668 MT - 2018 -A0-401	07512.01.030108.223	29/10/2018.	Ab-A01	1	1	
22	Máy tính để bàn Dell Vostro 3668 MT - 2018 -A0-401	07512.01.030108.224	29/10/2018.	Ab-A02	1	1	
23	Máy tính để bàn Dell Vostro 3668 MT - 2018 -A0-401	07512.01.030108.225	29/10/2018.	Ab-A02	1	1	
24	Máy tính để bàn Dell Vostro 3668 MT - 2018 -A0-401	07512.01.030108.226	29/10/2018.	Ab-A02	1	1	18
25	Máy tính để bàn Dell Vostro 3668 MT - 2018 -A0-401	07512.01.030108.227	29/10/2018.	Ab-A02	1	1	
26	Máy tính để bàn Dell Vostro 3668 MT - 2018 -A0-401	07512.01.030108.228	29/10/2018.	Ab-A02	1	1	
27	Máy tính để bàn Dell Vostro 3668 MT - 2018 -A0-401	07512.01.030108.229	29/10/2018.	Ab-A02	1	1	
28	Máy tính để bàn Dell Vostro 3668 MT - 2018 -A0-401	07512.01.030108.230	29/10/2018.	Ab-A02	1	1	
29	Máy tính để bàn Dell Vostro 3668 MT - 2018 -A0-401	07512.01.030108.231	29/10/2018.	Ab-A02	1	1	18
30	Máy tính để bàn Dell Vostro 3668 MT - 2018 -A0-401	07512.01.030108.232	29/10/2018.		1		
31	Máy tính để bàn Dell Vostro 3668 MT - 2018 -A0-401	07512.01.030108.233	29/10/2018.		1		
32	Máy tính để bàn Dell Vostro 3668 MT - 2018 -A0-401	07512.01.030108.234	29/10/2018.		1		
33	Máy tính để bàn Dell Vostro 3668 MT - 2018 -A0-401	07512.01.030108.235	29/10/2018.		1		
III	Tài sản Đồ gỗ quản lý						
IV	Phương tiện vận tải truyền dẫn						
V	Tài sản cố định khác						
VI	Cây lâu năm						
VII	Tài sản cố định vô hình						
VIII	Sách và tài liệu mã hóa						
IX	Sách và giáo trình						
X	Công cụ dụng cụ thiết bị						
I	Tai nghệ creative 2018	07512.01.110000.216	12/11/2018.	AO-A02	30	26	18
XI	Công cụ dụng cụ đồ gỗ						
XII	Bàn, ghế giảng đường						
XIII	Thiết bị phòng Thí nghiệm						

TRƯỞNG BAN KIỂM KẾ

PHÒNG KINH TẾ

PHÒNG QUẢN LÝ

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

Nghệ An, ngày 15 tháng 1 năm 2021

BỘ PHẬN KIỂM KẾ

(Handwritten signatures and stamps)
 Nguyễn Văn A
 Nguyễn Văn B
 Nguyễn Văn C